

Bản án số: 76/2018/HNGĐ-ST

Ngày : 22 - 8 - 2018

Về việc ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG - TỈNH VINH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Tư

Bà Đặng Ngọc Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Giang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 22 tháng 8 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 176/2018/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2018, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 503/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Nguyễn Thị T**; địa chỉ: Phường 5, thành phố V, tỉnh V (vắng).

Bị đơn: **Lâm Hữu P**; địa chỉ: Phường 5, thành phố V, tỉnh V (vắng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 23/4/2018 chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Lâm Hữu P tìm hiểu nhau rồi đi đến kết hôn năm 2001 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh V, quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường cự cãi, anh P ra ngoài có người phụ nữ khác, chị đã nhiều lần khuyên can cho anh cơ hội nhưng anh vẫn không thay đổi, vợ chồng sống ly thân từ năm 2013, hiện nay anh P thuê nhà trọ sống với

người phụ nữ khác, thỉnh thoảng vài tháng mới về nhà thăm con một lần. Xét thấy không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh P.

Về con chung: Có 01 người con tên Lâm Tiến Đ sinh ngày 30 tháng 9 năm 2002, hiện chị T đang nuôi dưỡng, sau khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh P cấp dưỡng.

Về tài sản: Chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Vợ chồng không có nợ ai.

Anh Lâm Hữu P đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án nhưng không có văn bản trình bày ý kiến và cũng không đến Tòa án dự các phiên hòa giải

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị T và anh P xác lập quan hệ hôn nhân năm 2001 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp, nay chị T yêu cầu ly hôn, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn thành phố Vĩnh Long nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh P được triệu tập dự phiên tòa hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về điều khoản chuyển tiếp “Quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập trước ngày luật này có hiệu lực thì áp dụng pháp luật về hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập để giải quyết”. Chị T và anh P xác lập quan hệ hôn nhân năm 2001, thời điểm Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 đang có hiệu lực pháp luật, do đó trong trường hợp này áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án.

Về hôn nhân: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị T anh P phát sinh mâu thuẫn không khắc phục được, Tòa án nhiều lần mời chị T và anh P đến mục đích để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị T vẫn cương

quyết xin ly hôn, về phía anh P thì anh không đến hòa giải cũng không có văn bản trình bày ý kiến mong muốn đoàn tụ với chị T. Điều này cho thấy hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Theo Điều 89 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định về căn cứ cho ly hôn: “Tòa án xem xét yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được thì Tòa án quyết định cho ly hôn”.

Xét yêu cầu của chị T xin ly hôn với anh P là có căn cứ phù hợp Điều 89 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 (tương ứng tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014) nên được chấp nhận.

Về con chung: Có 01 người con tên Lâm Tiến Đ sinh ngày 30 tháng 9 năm 2002 chưa thành niên nên sau khi ly hôn chị T, anh P vẫn phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con đến đủ tuổi thành niên.

Chị T có việc làm thu nhập ổn định, đủ khả năng nuôi con, nên xét yêu cầu của chị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp Điều 92 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, phù hợp với nguyện vọng của con và cũng nhằm bảo đảm quyền lợi mọi mặt cho con nên được chấp nhận và ghi nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Đương sự chưa yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Về nợ: Đương sự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các điều 85, 89, 91, 92 và 94 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các điều 147, 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Lâm Hữu P.

2. Về con chung: Giao chị T trực tiếp nuôi dưỡng Lâm Tiến Đ sinh ngày 30 tháng 9 năm 2002.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Anh P có quyền, nghĩa vụ đến thăm con chung không ai được ngăn cản, nhưng không được lạm dụng việc thăm con để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị T.

3. Về tài sản: Đương sự chưa yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ: Đương sự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn) tiền án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng nộp ngày 10/5/2018 biên lai thu số 0003280 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long. Chị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)
Nguyễn Thị Kim Chi

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND Tp. Vĩnh Long;
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- Chi cục thi hành án DS Tp. Vĩnh Long;
- UBND xã Mỹ Phước, huyện Mang Thít;
- Đương sự; Lưu hồ sơ.